|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/bài** | **Số tiết** | **Nhận biết****50%** | **Thông hiểu****30%** | **Vận dụng 20%** | **Tổng****100%** | **GV phụ trách** | **Ghi chú** |
| 1 | Chủ đề 2: Các thể của chất | 3 | 37 | 21 | 30 | **88** | T. Khải | T.Tâm, T. Thiện tổng hợp |
| 2 | Chủ đề 3: Oxygen và không khí | 2 | 17 | 12 | 12 | **41** |
| 3 | Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm….. | 7 | 57 | 39 | 24 | **120** | Cô Ánh, cô Hết |
| 4 | Chủ đề 5: Chất tinh khiết – hỗn hợp. Phương pháp tách các chất | 5 | 37 | 18 | 11 | **66** | T. Thiện |
| **TỔNG CỘNG:** |  | **148** | **90** | **77** | **315** |  |

**MA TRẬN ĐỀ**

**1. Theo mức độ nhận thức**: Nhận biết: 50%; Thông hiểu: 30%; Vận dụng: 20%.

**2. Tổng số câu hỏi**: **315** *(Sau khi thẩm định chọn lấy 300 câu)*

**II. CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI**

**I. Chủ đề 2: Các thể của chất *(Số câu: 88)***

***1. Nhận biết (37 câu)***

**Câu 1**: Trong các vật thể sau, vật thể nào là vật thể nhân tạo?

**A.** Tàu vũ trụ. **B.** Mặt trăng. **C.** Trái đất. **D.** Sao Hỏa.

**Câu 2**: Trong các vật thể sau, đâu là vật thể tự nhiên?

 **A.** Nước biển. **B.** Ấm nhôm. **C.** Bình thủy tinh. **D.** Bút mực.

**Câu 3**: Trong các vật thể sau, vật thể nào là vật thể nhân tạo ?

**A.** Cái cầu. **B.** Cây lúa. **C.** Mặt trời. **D.** Con sóc.

**Câu 4:** Cho các vật thể sau: Hoa đào, con người, cây cỏ, quần áo. Hãy cho biết vật thể nào là nhân tạo?

**A**. Quần áo. **B**. Hoa đào. **C**. Cây cỏ. **D.** Con người.

**Câu 5**: Vật thể nào sau đây ***không*** phải là vật thể nhân tạo?

**A.** Động vật. **B.** Sách vở. **C.** Quần áo. **D.** Bút mực.

**Câu 6:** Có các vật thể như sau: xe máy, máy bay, sông, con chó, lọ hoa, thước kẻ, đôi giày.

Số vật thể nhân tạo là:

**A.**5. **B.** 4. **B.** 3. **D**. 2.

**Câu 7**: Trong các vật thể sau, đâu là vật thể tự nhiên?

**A.** Không khí. **B.** Chậu nhựa. **C.** Hộp bút. **D.** Máy điện thoại.

**Câu 8**: Trong các trường hợp sau đây, đâu là chất ?

**A.** Nước cất. **B.** Con dao**.** **C.** Đôi đũa. **D.** Vải may áo.

**Câu 9**: Cho các từ sau: dây điện, chất dẻo, lốp xe, cái bàn. Hãy cho biết từ nào chỉ chất?

**A.** Chất dẻo. **B.** Dây điện. **C.** Lốp xe. **D.** Cái bàn.

**Câu 10**: Vật nào dưới đây là vật hữu sinh?

**A.** Cây tre.       **B**. Cây chổi. **C.** Cây kéo       **D.** Cây cưa.

**Câu 11**: Vật nào dưới đây là vật hữu sinh?

**A.** Con mèo.       **B**. Xe máy. **C.** Cây cầu.       **D.** Cái xoong.

**Câu 12**: Vật nào dưới đây là vật vô sinh?

**A.** Cái bát.       **B.** Cây cao.       **C**. Con thỏ. **D.** Con gà.

**Câu 13**: Vật nào dưới đây là vật vô sinh?

**A.** Hòn đá.       **B**. Con trâu. **C.** Con chó.       **D.** Cây cọ.

**Câu 14:**Sắt được dùng để chế tạo ra vật thể nào dưới đây?

**A.** Song cửa sổ. **B.** Bóng đèn. **C.** Cốc đựng nước. **D**. Thước kẻ.

**Câu 15**: Trong các chất sau, chất nào ở thể rắn?

**A.** Muối ăn. **B.** Nước. **C.** Oxygen. **D.** Cồn.

**Câu 16:** Trong các chất sau, chất nào ở thể lỏng?

 **A.** Nước. **B.** Sắt. **C.** Carbon dioxide. **D.** Nhôm.

**Câu 17:** Trong các chất sau, chất nào tồn tại ở thể khí?

**A.** Oxygen **B.** Nhôm. **C.** Thủy tinh. **D.** Thuốc tím.

**Câu 18**: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào có ở thể rắn?

**A.** Các hạt liên kết chặt chẽ. **B.** Các hạt liên kết không chặt chẽ.

**C.** Các hạt chuyển động tự do. **D.** Dễ bị nén.

**Câu 19**: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào có ở thể rắn?

**A.** Có hình dạng và thể tích xác định.

**B.** Có hình dạng không xác định, có thể tích xác định.

**C.** Có hình dạng xác định, có thể tích không xác định.

**D.** Có hình dạng và thể tích không xác định.

**Câu 20**: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào có ở thể lỏng?

**A.** Khó bị nén. **B.** Dễ bị nén. **C.** Các hạt chuyển động tự do. **D.** Rất khó bị nén.

**Câu 21**: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào ***không*** có ở thể khí (hơi)?

**A.** Có hình dạng không xác định, có thể tích xác định. **B.** Các hạt chuyển động tự do.

**C.** Có hình dạng và thể tích không xác định. **D.** Dễ bị nén.

**Câu 22:** Tính chất có thể biết được bằng cách quan sát trực tiếp mà ***không*** phải dùng dụng cụ đo hay làm thí nghiệm?

**A.** Màu sắc. **B.** Tính tan trong nước. **C.** Khối lượng riêng. **D.** Nhiệt độ nóng chảy.

**Câu 23**: Khi ta quan sát kỹ một chất thì có thể biết được:

**A.** Trạng thái. **B.** Tính dẫn điện. **C.** Nhiệt độ nóng chảy. **D.** Tính tan trong nước.

**Câu 24**: Hãy cho biết đâu ***không phải*** là tính chất vật lí của chất?

**A.** Sự cháy. **B.** Nhiệt độ nóng chảy. **C.** Tính tan. **D.** Nhiệt độ sôi.

**Câu 25**: Hãy cho biết đâu là tính chất hóa học của chất?

**A.** Sự phân hủy. **B.** Tính dẫn điện. **C.** Tính dẫn nhiệt.  **D.** Tính tan.

**Câu 26**: Ở nhiệt độ phòng, chất nào sau đây không tồn tại ở thể lỏng?

**A.** Nhôm. **B.** Thủy ngân.  **C.** Rượu. **D.** Nước.

**Câu 27**: Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể…

**A.** rắn sang thể lỏng **B.** lỏng sang thể rắn.

**C.** lỏng sang thể hơi. **D.** hơi sang thể lỏng.

**Câu 28**: Sự đông đặc là quá trình chuyển từ…

**A.** thể lỏng sang thể rắn. **A.** thể rắn sang thể lỏng.

**B.** thể lỏng sang thể hơi. **D.** thể hơi sang thể lỏng.

**Câu 29:**Sự sôi là quá trình bay hơi xảy ra…

**A.** trên bề mặt và trong lòng chất lỏng. **B.** trên bề mặt chất lỏng.

**C.** trong lòng chất lỏng. **D.** sự ngưng tụ trên bề mặt và trong lòng chất lỏng.

**Câu 30**: Sự bay hơi là quá trình chuyển từ…

**A.** thể lỏng sang thể hơi. **B.** thể rắn sang thể lỏng.

**C.** thể lỏng sang thể rắn. D. thể hơi sang thể lỏng.

**Câu 31**: Sự ngưng tụ là quá trình chuyển từ…

**A.** thể khí (hơi) sang thể lỏng. **B.** thể lỏng sang thể khí (hơi).

**C.** thể rắn sang thể lỏng. **D.** thể lỏng sang thể rắn.

**Câu 32**: Quá trình thể rắn chuyển sang thể lỏng gọi là…

**A.** sự nóng chảy. **B.** sự đông đặc. **C.** sự bay hơi. **D.** sự ngưng tụ.

**Câu 33**: Quá trình thể lỏng chuyển sang thể hơi gọi là…

**A.** sự bay hơi. **B.** sự nóng chảy. **C.** sự đông đặc. **D.** sự ngưng tụ.

**Câu 34**: Quá trình thể khí (hơi) chuyển sang thể lỏng gọi là…

**A.** sự ngưng tụ. **B.** sự nóng chảy. **C.** sự đông đặc. **D.** sự bay hơi.

**Câu 35**: Quá trình thể lỏng chuyển sang thể rắn gọi là…

**A.** sự đông đặc. **B.** sự nóng chảy. **C.** sự bay hơi. **D.** sự ngưng tụ.

**Câu 36**: Quá trình bay hơi xảy ra trong lòng và cả trên bề mặt thoáng của chất lỏng gọi là…

**A.** sự sôi. B**.** sự nóng chảy. **C.** sự đông đặc. **D.** sự bay hơi.

**Câu 37**: Tính chất hóa học của chất là…

**A**. sự biến đổi một chất tạo ra chất mới. **B**. khả năng hòa tan trong nước.

**C**. sự chuyển thể từ thể lỏng sang thể khí. **D**. sự nóng chảy từ thể rắn sang thể lỏng.

***2. Thông hiểu (21 câu)***

**Câu 1:**Hãy chỉ ra đâu là chất, đâu là vật thể trong câu sau: mặt bàn làm bằng nhựa, chân bàn làm bằng sắt.

**A.** Từ chỉ vật thể là: mặt bàn, chân bàn; từ chỉ chất là: sắt, nhựa.

**B.** Từ chỉ vật thể là: mặt bàn, nhựa; từ chỉ chất là: chân bàn, sắt.

**C.** Từ chỉ vật thể là: chân bàn, sắt; từ chỉ chất là: mặt bàn, nhựa.

**D.** Từ chỉ vật thể là: sắt, nhựa; từ chỉ chất là: mặt bàn, chân bàn.

**Câu 2**: Trong các ý sau đây, hãy chỉ ra những vật thể?

**A.** Lốp xe, bóng đèn điện, cây mía. **B.** Cao su, thủy tinh, nước.

**C.** Ruột xe, đường saccarozơ, đồng. **D.** Đồng, cao su, lốp xe.

**Câu 3**:Vật thể tự nhiên là:

**A.** Ao, hồ, sông, suối. **B.** Biển, mương, kênh, bể nước.

**C.** Đập nước, máng, đại dương, rạch. **D.** Hồ, thác, giếng, bể bơi.

**Câu 4**:Dãy nào sau đây đều là chất?

**A.** Nhôm, muối ăn, đường mía**.** **B.** Đường mía, muối ăn, con dao**.**

**C.** Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm**.** **D.** Con dao, đôi đũa, muối ăn**.**

**Câu 5**: Hiện tượng nào dưới đây phản ánh đặc điểm có ở vật hữu sinh?

**A.** Chiếc bàn bị mục ruỗng. **B.** Chồi non vươn lên khỏi mặt đất.

**C.** Muối ăn tan trong nước. **D.** Quả bóng tăng dần kích thước khi được thổi.

**Câu 6**: Dãy nào sau đây đều là vật thể tự nhiên?

**A.** Cây tre, con cá, con mèo. **B.** Cây mía, con ếch, xe đạp.

**C.** Xe đạp, ấm đun nước, cái bút. **D.** Máy vi tính, cái cặp, radio.

**Câu 7**:Dãy gồm các tính chất đều thuộc tính chất vật lý là:

**A.** Màu sắc, thể, tính tan. **B.** Sự cháy, khối lượng riêng, tính tan.

**C.** Nhiệt độ nóng chảy, tính tan, sự cháy. **D.** Sự cháy, khối lượng riêng, màu sắc.

**Câu 8**:Dãy gồm các tính chất đều thuộc tính chất vật lý là:

**A.** Tính dẫn điện, nóng chảy, màu sắc.

**B.** Sự phân hủy, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy.

**C.** Nhiệt độ nóng chảy, tính dẫn nhiệt, sự phân hủy.

**D.** Sự phân hủy, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi.

**Câu 9**: Tính chất vật lí được thể hiện qua hiện tượng nào sau đây?

**A.** Nước sôi. **B.** Đốt que diêm. **C.** Cửa sắt bị gỉ. **D.** Quần áo bị phai màu.

**Câu 10**:Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học của muối ăn?

**A.** Điện phân dung dịch để sản xuất sodium hydroxide trong công nghiệp.

**B.** Hòa tan muối vào nước.

**C.** Rang muối tới khô.

**D.** Làm gia vị cho thức ăn.

**Câu 11**: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

**A.** Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen.

**B.** Hoà tan đường vào nước.

**C.** Cô cạn nước đường thành đường.

**D.** Đun nóng đường ở thể rắn để chuyến sang đường ở thể lỏng.

**Câu 12**:Tính chất nào sau đây thể hiện tính chất hoá học của khí carbon dioxide?

**A.** Làm đục dung dịch nước vôi trong (dụng địch calcium hydroxide).

**B.** Chất khí, không màu.

**C.** Không mùi, không vị.

**D.** Tan rất ít trong nước.

**Câu 13**: Hãy cho biết trong các hiện tượng sau, hiện tượng nào mô tả tính chất vật lý?

**A.** Kim loại nhôm màu trắng bạc, dễ dát mỏng**.**

**B.** Tàu sắt bị gỉ trong không khí ẩm**.**

**C.** Thạch nhũ hình thành trong hang động núi đá vôi**.**

**D.** Nến cháy thành khí carbon dioxide và hơi nước**.**

**Câu 14**:Hãy cho biết trong các hiện tượng sau, hiện tượng nào mô tả tính chất hóa học?

**A.** Nến cháy thành khí carbon dioxide và hơi nước**.**

**B.** Kim loại đồng màu đỏ, dễ kéo sợi**.**

**C.** Muối ăn khô hơn khi đun nóng**.**

**D.** Bơ chảy lỏng khi để ở nhiệt độ phòng.

**Câu 15**:Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

**A.** Mưa rơi**. B.** Tạo thành mây**.**  **C.** Gió thổi**. D.** Lốc xoáy**.**

**Câu 16**:Hiện tượng tự nhiên do hơi nước đông đặc là:

**A.** Mưa tuyết. **B.** Băng tan. **C.** Sương mù. **D.** Tạo thành mây.

**Câu 17**: Sự chuyển thể nào sau đây không xảy ra tại nhiệt độ xác định?

**A.** Bay hơi. **B.** Nóng chảy. **C.** Hoá hơi. **D.** Sôi.

**Câu 18**: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: Trong suốt thời gian sôi, nước vừa ... vào các bọt khí, vừa ... trên mặt thoáng.

**A.** Bay hơi. **B.** Ngưng tụ. **C.** Hòa tan. **D.** Kết tinh.

**Câu 19**: Cho các phát biểu sau:

a) Dầu tan không tan trong nước, nhẹ hơn nước.

b) Viên phấn có thành phần chính là calcium carbonate ở thể rắn, có màu trắng.

c) Không khí ở thể khí, gồm thành phần chủ yếu là nitrogen và oxygen.

d) Nước luộc bắp cải tím bị chuyển sang màu đỏ khi vắt chanh vào.

Số phát biểu mô tả tính chất vật lý là:

**A**. 3. **A**. 2. **B**. 1. **D**. 4.

**Câu 20**: Phát biểu mô tả tính chất hóa học của chất là:

**A**. Sodium carbonate tác dụng với axit trong dịch vị dạ dày chữa chứng ợ chua.

**B**. Vàng là kim loại có tính dẻo, dễ kéo dài, dát mỏng.

**C**. Cồn 70o có tính sát khuẩn.

**D**. Khí carbonic được nén vào chai nước ngọt để tạo ga.

**Câu 21**: Khi ta đốt một tờ giấy (cellulose), tờ giấy cháy sinh ra khí carbon dioxide và hơi nước. Thí nghiệm này thể hiện…

**A.** tính chất hóa học của cellulose. **B**. tính chất vật lý của cellulose.

**C**. tính chất bay hơi của cellulose. **D**. sự chuyển thể từ rắn sang khí của cellulose.

***3. Vận dụng (30 câu)***

**Câu 1.** Hiện tượng nào sau đây ***không phải*** là sự ngưng tụ?

**A.** Hơi nước. **B.** Sương đọng trên lá cây.

**C.** Sương mù. **D.** Mây.

**Câu 2**: Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào không liên quan đến sự nóng chảy?

**A.** Đốt một ngọn đèn dầu.  **B.** Bỏ một cục nước đá vào một cốc nước.

**C.** Đốt một ngọn nến.  **D.** Đúc một cái chuông đồng.

**Câu 3**: Sự nóng chảy, sự đông đặc và sự sôi có đặc điểm nào giống nhau?

**A.** Nhiệt độ không thay đổi và xảy ra ở một nhiệt độ xác định.

**B.** Nhiệt độ tăng dần và xảy ra ở một nhiệt độ không xác định.

**C.** Nhiệt độ giảm dần và xảy ra ở một nhiệt độ xác định.

**D.** Nhiệt độ tăng dần và xảy ra ở một nhiệt độ xác định.

**Câu 4:** Khi một chất lỏng bị “bay hơi” thì điểu nào sau đây không đúng?

    **A.** Chỉ có các phân tử chất lỏng thoát khỏi bề mặt chất lỏng thành phân tử hơi.

**B.** Số phân tử hơi bị hút vào trong chất lỏng ít hơn số phân tử chất lỏng thoát khỏi bề mặt chất lỏng.

    **C.** Nhiệt độ của khối chất lỏng giảm.

    **D.** Sự bay hơi chỉ xảy ra ở bề mặt của chất lỏng.

**Câu 5:** Khi đun nóng kẽm, chúng mềm ra và nóng chảy dần, phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của kẽm không đổi.

**B.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của kẽm giảm dần.

**C.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của kẽm lúc tăng lúc giảm.

**D.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của kẽm tiếp tục tăng.

**Câu 6:** Câu nào sau đây nói về sự nóng chảy là ***không*** đúng?

**A.** Trong khi đang nóng chảy, nhiệt độ tiếp tục tăng.

**B.** Mỗi chất nóng chảy ở một nhiệt độ xác định.

**C.** Trong khi đang nóng chảy, nhiệt độ không thay đổi.

**D.** Khi đã bắt đầu nóng chảy, nếu không tiếp tục đun thì sự nóng chảy sẽ ngừng lại.

**Câu 7:** Hiện tượng nóng chảy của một vật xảy ra khi…

**A.** đun nóng vật đến nhiệt độ nóng chảy của chất cấu thành vật thể đó.

**B.** đun nóng vật rắn bất kì.

**C.** đun nóng vật trong nồi áp suất.

**D.** đun nóng vật đến 100oC.

**Câu 8**: Phát biểu nào sau đây là ***sai*** khi nói về sự nóng chảy và sự đông đặc?

**A.** Nhiệt độ của vật sẽ tăng dần trong quá trình nóng chảy và giảm dần trong quá trình đông đặc.

**B.** Các chất khác nhau sẽ nóng chảy (hay đông đặc) ở nhiệt độ khác nhau.

**C.** Đối với một chất nhất định, nếu nóng chảy ở nhiệt độ nào thì sẽ đông đặc ở nhiệt độ ấy.

**D.** Phần lớn các chất nóng chảy (hay đông đặc) ở một nhiệt độ nhất định.

**Câu 9:** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào liên quan đến sự nóng chảy?

**A.** Cục nước đá bỏ từ tủ đá ra ngoài, sau một thời gian, tan thành nước.

**B.** Sương đọng trên lá cây.

**C.** Khăn ướt sẽ khô khi được phơi ra nắng.

**D.** Đun nước đổ đầy ấm, nước có thể tràn ra ngoài.

**Câu 10**: Trường hợp nào sau đây ***không*** liên quan đến sự nóng chảy và đông đặc?

**A.** Ngọn đèn dầu đang cháy. **B.** Ngọn nến vừa tắt.

**C.** Ngọn nến đang cháy. **D.** Cục nước đá lấy ra khỏi tủ lạnh.

**Câu 11:** Trường hợp nào sau đây xuất hiện hiện tượng đông đặc?

**A.** Thổi tắt ngọn nến. **B.** Ăn kem. **C.** Rán mỡ. **D.** Ngọn đèn dầu đang cháy.

**Câu 12:** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào ***không*** liên quan đến sự đông đặc?

**A.** Rèn thép trong lò rèn. **B.** Tuyết rơi.

**C.** Đúc tượng đồng. **D.** Làm đá trong tủ lạnh.

**Câu 13:** Hiện tượng nào ***không*** liên quan đến hiện tượng nóng chảy?

**A.** Cho nước vào tủ lạnh để làm đá. **B.** Đốt một ngọn nến.

**C.** Đun nấu mỡ vào mùa đông. **D.** Pha nước chanh đá.

**Câu 14:** Ở nhiệt trong phòng, chỉ có thể có khí oxi, không thể có oxi lỏng vì:

**A.** Nhiệt độ trong phòng cao hơn nhiệt độ sôi của oxi.

**B.** Oxi là chất khí, nhẹ hơn không khí.

**C.** Nhiệt độ trong phòng thấp hơn nhiệt độ sôi của oxi.

**D.** Nhiệt độ trong phòng bằng nhiệt độ bay hơi của oxi.

**Câu 15:** Gió, mây, sấm, chớp có rồi. “Tôi” mà chưa có thì trời chưa mưa!. “Tôi” ở đây là gì?

**A.** Sự ngưng tụ. **B.** Sự bay hơi. **C.** Sự sôi. **D.** Sự nóng chảy.

**Câu 16**: Kết luận nào sau đây là đúng khi nói về nhiệt độ nóng chảy?

**A.** Nhiệt độ nóng chảy của các chất khác nhau là khác nhau.

**B.** Nhiệt độ nóng chảy của các chất khác nhau là giống nhau.

**C.** Trong thời gian nóng chảy nhiệt độ luôn tăng.

**D.** Trong thời gian nóng chảy nhiệt độ luôn giảm.

**Câu 17**: Chọn phát biểu ***không đúng*** về nhiệt độ sôi?

**A.** Nhiệt độ sôi của nước là lớn nhất trong các chất lỏng.

**B.** Các chất khác nhau sôi ở nhiệt độ khác nhau.

**C.** Mỗi chất lỏng sôi ở một nhiệt độ nhất định.

**D.** Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của chất lỏng không thay đổi.

**Câu 18**: Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của chất lỏng:

**A.** không thay đổi. **B.** tăng liên tục. **C.** giảm dần. **D.** tăng rồi lại giảm.

**Câu 19**: Trong thời gian sắt đông đặc, nhiệt độ của nó:

**A.** không đổi. **B.** không ngừng tăng. **C.** không ngừng giảm. **D.** mới đầu tăng, sau giảm.

**Câu 20**: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào ***không đúng*** khi nói về sự sôi?

**A.** Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của nước tăng dần.

**B.** Nước sôi ở nhiệt độ 1000C, nhiệt độ này gọi là nhiệt độ sôi của nước

**C.** Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của nước không thay đổi.

**D.** Sự sôi là một sự bay hơi đặc biệt. Trong suốt thời gian sôi, nước vừa bay hơi tạo ra các bọt khí vừa bay hơi trên mặt thoáng.

**Câu 21**: Điều nào sau đây ***không đúng***?

    **A.** Sự ngưng tụ là quá trinh chuyển từ thể lỏng sang thể rắn.

**B.** Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí (hơi) ở bề mặt chất lỏng.

    **C.** Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng.

    **D.** Sự sôi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí xảy ra ở cả bên trong và trên bề mặt chất lỏng.

**Câu 22.** Khi mở lọ giấm, một lúc sau, ta ngửi thấy “mùi giấm” chua. Nguyên nhân của hiện tượng này do tính chất của acetic acid. Tính chất đó là:

**A.** bay hơi và lan tỏa của chất khí. **B.** dễ dàng nén được.

**C.** không có hình dạng xác định. **D.** dễ lan chảy của acetic acid.

**Câu 23:** Đun nóng băng phiến (long não), người ta thấy nhiệt độ của băng phiến tăng dần. Khi tăng tới 800C thì nhiệt độ của băng phiến dừng lại không tăng. Mặc dù vẫn tiếp tục đun. Hỏi khi đó băng phiến tồn tại ở thể nào?

**A.** Có thể ở cả thể rắn và thể lỏng. **B.** Chỉ có thể ở thể lỏng.

**C.** Chỉ có thể ở thể rắn. **D.** Chỉ có thể ở thể hơi.

**Câu 24:** Thăng hoa là hiện tượng một chất chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái khí, không đi qua trạng thái lỏng. Chất cũng có khả năng thăng hoa được sử dụng trong đời sống để đuổi gián, chuột là

**A**. băng phiến. **B**. cồn. **C**. muối ăn. **D**. vôi.

**Câu 25:** Nhiệt độ sôi của một chất lỏng phụ thuộc vào…

**A.** áp suất không khí trên mặt thoáng chất lỏng. **B.** khối lượng của chất lỏng.

**C.** thể thích của chất lỏng. **D.** khối lượng riêng của chất lỏng.

**Câu 26:** Phát biểu nào sau đây là ***không*** đúng. Tốc độ bay hơi của một lượng chất lỏng…

A. không phụ thuộc vào bản chất của chất lỏng.

**B.** càng lớn nếu nhiệt độ chất lỏng càng cao.

   **C.** càng lớn nếu diện tích bề mặt chất lỏng càng lớn.

   **D.** phụ thuộc vào áp suất của khí (hay hơi) trên bề mặt chất lỏng.

**Câu 27:** Tại sao để đo nhiệt độ của hơi nước sôi, người ta phải dùng nhiệt kế thuỷ ngân?

**A.** Nhiệt độ sôi của thuỷ ngân cao hơn nhiệt độ sôi của nước.

**B.** Nhiệt độ sôi của thuỷ ngân thấp hơn nhiệt độ sôi của nước.

**C.** Vì nhiệt kế thuỷ ngân dùng tốt hơn nhiệt kế rượu và nhiệt kế y tế.

**D.** Vì nhiệt độ nóng chảy của thủy ngân thấp, khoảng -390C.

**Câu 28:** Một chất hơi đạt trạng thái “hơi bão hòa” thì…

    **A.** tốc độ ngưng tụ bằng tốc độ bay hơi.

 **D.** ở cùng một nhiệt độ, áp suất hơi là như nhau với mọi chất.

    **C.** khi thể tích giảm, áp suất hơi tăng.

    **D.** áp suất hơi không phụ thuộc vào nhiệt độ hơi.

**Câu 29:** Nhận định nào sau đây ***không đúng***?

    **A.** Nhiệt nóng chảy là nhiệt độ ở đó chất rắn bắt đầu nóng chảy.

    **B.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của chất rắn kết tinh không thay đổi.

    **C.** Trong thời gian nóng chảy, nhiệt độ của chất rắn vô định hình tăng.

    **D.** Nhiệt nóng chảy của một vật rắn tỉ lệ với khối lượng của vật.

**Câu 30:** Trong các câu so sánh nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ đông đặc của nước dưới đây, câu nào đúng?

**A.** Nhiệt độ nóng chảy bằng nhiệt độ đông đặc.

**B.** Nhiệt độ nóng chảy cao hơn nhiệt độ đông đặc.

**C.** Nhiệt độ nóng chảy thấp hơn nhiệt độ đông đặc.

**D.** Nhiệt độ nóng chảy có thể cao hơn, cũng có thể thấp hơn nhiệt độ đông đặc.

**II. Chủ đề 3:** **Oxygen và không khí** *(Số câu: 41)*

***1. Nhận biết (17 câu)***

**Câu 1****:** Trong quá trình quang hợp cây xanh đã thải ra khí gì?

**A.** Oxygen. **B.** Hydrogen. **C.** Nitrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 2:** Có những tính chất sau: Chất khí, không màu, không mùi, không vị, nhẹ hơn không khí, tan vô hạn trong nước. Số tính chất của oxi là

**A.** 4. **B.**5. **C**. 6. **D.** 3.

**Câu 3:** Không khí duy trì sự sống. Bởi vì trong không khí có chứa:

**A.** Oxygen. **B.** Hydrogen. **C.** Nitrogen. **D.** Carbon dioxide**.**

**Câu 4:** Không khí duy trì sự cháy. Bởi vì trong không khí có chứa:

**A.** Oxygen.  **B.** Hydrogen. **C.** Nitrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 5: Khí duy trì sự sống, sự cháy là…**

A. Oxygen. **B.** Hydrogen. **C.** Nitrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 6**: Trong không khí oxygen chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích?

**A.** 21%. **B.** 1%. **C.** 78%. **D.** 100%.

**Câu** **7:** Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

**A**. Nitrogen. **B.** Oxygen. **B.** Hydrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 8:** Trong không khí, nitrogen chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích?

**A.** 78%. **B.** 1%. **B.** 21%. **D.** 100%.

**Câu 9:** Trong không khí carbon dioxide, hơi nước và một số chất khác chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích?

**A.** 1%**. B.** 21%. **C.** 78%. **D.** 100%.

**Câu 10:** Trong bản tin dự báo thời tiết thường có dự báo về độ ẩm của không khí. Điều đó chứng tỏ trong không khí chứa chất gì?

**A.** Hơi nước. **B.** Oxygen. **C.** Nitrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 11:** Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

**A.** Carbon dioxide. **B.** Oxygen. **C**. Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 12:** Thành phần nào sau đây không được sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu hoá thạch?

**A.** Oxygen. **B.** Carbon dioxide. **C.** Bụi. **D.** Nitrogen.

**Câu 13: Khí được cây xanh sử dụng cho quang hợp là:**

**A.** Carbon dioxide**. B.** Oxygen. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 14: Trong bình khí nén dùng cho thợ lặn có chứa…**

**A.** Oxygen. **B.** Carbon dioxide. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 15: Bình khí được** các bác sĩ cho bệnh nhân sử dụng để thở có chứa khí…

**A.** Oxygen. **B.** Carbon dioxide. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 16:** Để đốt cháy nhiên liệu cần phải có khí…

**A.** Oxygen. **B.** Carbon dioxide. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 17:** Bình chữa cháy mini được dùng phổ biến trong công tác phòng cháy chữa cháy ở các khu chung cư và hộ gia đình có chứa:

**A.** Carbon dioxide. **B.** Oxygen. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

***2. Thông hiểu (12 câu)***

**Câu 1:** Chất nào sau đây chiếm khoảng 0,03% thể tích không khí?

**A.** Carbon dioxide. **B.** Oxygen. **C.** Hydrogen. **D.** Nitrogen.

**Câu 2:** Nguồn nhiên liệu được dùng để làm chất cháy ít gây ô nhiễm môi trường không khí nhất là:

**A.** Khí đốt. **B.** Gỗ. **C.** Than đá. **D.** Dầu hỏa.

**Câu 3:** Trong các nguồn năng lượng sau, nguồn năng lượng nào khi sử dụng sẽ làm hạn chế được ô nhiễm không khí?

**A.** Mặt trời. **B.** Than đá. **C.** Dầu mỏ.  **D.** Khí đốt.

**Câu 4:** Sử dụng nguồn năng lượng nào gây ô nhiễm môi trường không khí nhiều nhất?

**A**. Nhiệt điện. **B.** Điện gió. **C.** Điện mặt trời. **D.** Thuỷ điện.

**Câu 5**: Để bảo vệ không khí trong lành, chúng ta nên làm gì?

**A.** Trồng cây xanh. **C.** Đổ chất thải chưa qua xử lí ra môi trường.

**B.** Chặt cây xây cầu cao tốc. **D.** Xây thêm nhiều khu công nghiệp.

**Câu 6:** Cháy rừng, hoạt động của núi lửa, khí thải của phương tiện giao thông, trồng cây xanh. Hoạt động nào ***không*** gây ô nhiễm không khí?

A. Trồng cây xanh. **C.** Hoạt động của núi lửa.

**B.** Cháy rừng. **D.** Khí thải của phương tiện giao thông.

**Câu 7:** Khí thải của phương tiện giao thông, trồng cây xanh, bảo vệ các loài sinh vật, xây dựng các công trình thủy điện. Hoạt động nào gây ô nhiễm không khí?

**A.** Khí thải của phương tiện giao thông. **B.** Trồng cây xanh.

**C.** Bảo vệ các loài sinh vật. D. Xây dựng các công trình thủy điện.

**Câu 8**: Hoạt động nông nghiệp nào sau đây ***không*** làm ô nhiễm môi trường không khí?

**A.** Tưới nước cho cây trồng. **B.** Đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.

**C.** Bón phân tươi cho cây trồng, **D.** Phun thuốc trừ sâu phòng sâu bọ phá hoại cây trồng.

**Câu 9:** Hoạt động của ngành kinh tế nào ít gây ô nhiễm môi trường không khí nhất?

**A.** Sản xuất phần mềm tin học. **B.** Sản xuất nhiệt điện.

**C.** Du lịch. **D.** Giao thông vận tải.

**Câu 10:** Biểu hiện nào sau đây ***không phải*** là biếu hiện của sự ô nhiễm môi trường?

**A.** Buối sáng mai thường có sương đọng trên lá.

**B.** Không khí có mùi khó chịu.

**C.** Da bị kích ứng, nhiễm các bệnh đường hô hấp.

**D**. Mưa axit, bầu trời bị sương mù cả ban ngày.

**Câu 11:** Hoạt động nào sau đây gây ô nhiễm không khí?

**A.** Vận chuyển vật liệu xây dựng không che bạt. **B.** Sử dụng xe đạp để di chuyển.

**C**. Không vứt rác thải bừa bãi. **D.** Dọn dẹp nhà cửa.

**Câu 12**: Trong các nguồn gây ô nhiễm không khí: Hoạt động của núi lửa, khí thải nhà máy, khí thải động cơ, đốt rác thải. Nguồn gây ô nhiễm không khí từ tự nhiên là:

**A.** Hoạt động của núi lửa. **B.** Khí thảy nhà máy. **C.** Khí thải động cơ. **D.** Đốt rác thải.

***3. Vận dụng (12 câu)***

**Câu 1:** Một số hộ gia đình sử dụng bếp củi đun nấu hằng ngày. Khi lửa sắp tàn, người ta cho thêm củi và quạt vào bếp nhằm mục đích gì?

**A.** Cung cấp thêm chất cháy và oxygen. **B.** Hạ nhiệt độ chất cháy xuống dưới nhiệt độ cháy.

**C.** Cách li chất cháy với oxygen. **D.** Tăng diện tích tiếp xúc của chất cháy với oxygen.

**Câu 2:** Trong các nội dung sau. Đâu là điều kiện phát sinh sự cháy?

Cách li chất cháy với oxygen (1); Có đủ oxygen (2); Chất cháy phải nóng đến nhiệt độ cháy (3); Cho chất cháy tiếp xúc với oxygen (4); Hạ nhiệt độ của chất cháy xuống đưới nhiệt độ cháy (5).

**B.** (2), (3), (4). **A.** (1), (2), (3). **C.** (1), (3), (4).  **D.** (1), (2), (4).

**Câu 3:** Trong các nội dung sau, đâu là biện pháp dập tắt sự cháy: Cách li chất cháy với oxygen (1); Có đủ oxygen (2); Chất cháy phải nóng đến nhiệt độ cháy (3); Cho chất cháy tiếp xúc với oxygen (4); Hạ nhiệt độ của chất cháy xuống đưới nhiệt độ cháy (5).

**A.** (1), (4). **B.** (1), (2).  **C.** (1), (3). **D.** (3), (4).

**Câu 4:** Nguồn nhiên liệu được dùng để làm chất cháy tạo ra được nhiều nhiệt lượng nhất là

**A.** khí đốt. **B.** gỗ. **C.** than đá. **D.** dầu mỏ.

**Câu 5:** Khí có thể chuyển hóa thành dạng có ích giúp cho cây sinh trưởng và phát triển:

**A.** Nitrogen. **B.** Oxygen. **C.** Hydrogen. **D.** Carbon dioxide.

**Câu 6:** Tại sao ở thành cốc đựng nước đá lại xuất hiện những giọt nước nhỏ?

**A.** Trong không khí có hơi nước. **B.** Cốc bị thủng.

**C.** Trong không khí có khí oxygen.    **D.** Trong không khí có khí nitrogen.

**Câu 7:** Phương pháp nào để dập tắt lửa do xăng dầu?

**A.** Phủ chăn bông hoặc vải dày. **B.** Quạt. **C.** Dùng nước. **D.** Dùng cồn.

**Câu 8.** Khi một can xăng do bất cần bị bốc cháy thì chọn giải pháp chữa cháy nào được cho dưới đấy phù hợp nhất?

**A.** Dùng cát đổ trùm lên. **B.** Phun nước.

**C.** Dùng bình chữa chảy gia đình để phun vào. **D.** Dùng chiếc chăn khô đáp vào.

**Câu 9**: Khi đang ở trong khu vực không khí bị ô nhiễm, em cần thực hiện những biện pháp nào sau đây để bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình?

Đeo khẩu trang, đeo kính chắn bụi mỗi khi ra đường (1); Sử dụng nước muối sinh lí để nhỏ mắt, vệ sinh mũi sau khi đi ra ngoài (2); Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, trước khi đi ngủ và khi tiếp xúc với bộ phận khác trên cơ thể (3); Tăng cường sử dụng chất tẩy rửa, chất làm mát không khí (4); Không ăn uống lề đường, chọn thực phẩm sạch, không bị nhiễm bẩn (5).

**A.** (1), (2), (3), (5). **B.** (2), (3), (4), (5).

**C.** (1), (3), (4), (5).  **D.** (1), (2), (3), (4).

**Câu 10: Mỗi giờ một người lớn hít vào trung bình 0,5 m3 không khí, cơ thể giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khi đó. Như vậy, mỗi người lớn trong một ngày đêm cần trung bình một thể tích không khí là bao nhiều (giả sử oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí)?**

**A. 0,8 m3. B. 2,4 m3. C. 4** **m3. D. 12 m3.**

**Trả lời:** Chọn đáp án: A

**Bài giải:**

**Mỗi giờ hít vào trưng bình 0,5 m3 thì mỗi ngày hít vào 0,5. 24 = 12 m3 không khí.**

**Thể tích oxygen trong không khí: 12 . 20% = 2,4 m3**

**Thể tích oxygen con người sử dụng: 2,4 x 1/3 =0,8 m3**

**Câu 11: Một phòng học có chiều dải 12 m, chiều rộng 7 m và chiều cao 4 m. Tính thể tích không khí và thể tích oxygen có trong phòng học. Giả thiết oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí trong phòng học đó.**

**B. 67,2 m3. B. 48 m3. C. 84 m3. D. 336 m3.**

**Trả lời:** Chọn đáp án: A

**Bài giải:**

**Thể tích của phòng học: 12. 7. 4 = 336 m3.**

**Thế tích oxygen trong phòng học: 336: 5 = 67,2 m3.**

**Câu 12: Thể tích oxygen cần dùng cho 45 em học sinh trong lớp học hô hấp trong mỗi tiết học 45 phút không? Biết rằng bình quân mỗi phút học sinh hít vào thở ra 16 lần và mỗi lần hít vào sẽ lấy từ môi trường 100 ml khí oxygen.**

**A. 3,24 m3. B. 1,6 m3. C. 3600 m3. D. 72 m3.**

**Trả lời:** Chọn đáp án: A

**Bài giải:**

**Thể tích oxygen 1 học sinh dùng trong 45 phút: 16 . 0,1 . 45 = 72 lít.**

**Thể tích oxygen 45 học sinh dùng trong 45 phút: 72. 45 = 3 240 lít = 3,24 m3.**

**III**. **Chủ đề 4: Nguyên liệu – Lương thực –Thực phẩm *(Số câu 120)***

***1 Nhận biết ( 57 câu)***

**Câu 1:** Vật thể nào sau đây được xem là nguyên liệu?

A. Đất sét. B. Gạch xây dựng. C. Xi măng. D. Ngói.

**Câu 2:** Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là…

A. nguyên liệu. B. vật liệu. C. nhiên liệu. D. phế liệu.

**Câu 3:** Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là…

A. nguyên liệu. B. nhiên liệu. C. vật liệu. D. vật liệu hoặc nguyên liệu.

**Câu 4:** Đá vôi có trạng thái nào sau đây?

1. Rắn . B. Khí. C. Lỏng. D. Khí và lỏng.

**Câu 5:** Tre là…………. Cho ngành sản xuất đan lát: rổ, rá, chiếu, mành, rèm…

A. nguyên liệu. B. nhiên liệu. C. nguyên liệu và nhiên liệu. D. vật liệu.

**Câu 6:** Đá vôi có tính chất gì?

A. Cứng. B. Mềm. C. Dẻo. D. Không cứng.

**Câu 7:** Đá vôi có mấy tính chất của nguyên liệu phổ biến?

1. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

**Câu 8:** Nguyên liệu chính để sản xuất xi măng là gì?

A. Đá vôi B. Cát. C. Quặng. D. Thủy tinh.

**Câu 9:** Chất thải rắn sinh hoạt được chia thành mấy loại?

 A.2 . B.1. C.3. D.4.

**Câu 10:** Cây trồng nào sau đây ***không*** được xem là cây lương thực?

A. mía. B. ngô. C. lúa gạo D. lúa mì.

**Câu 11:** Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A. Thịt. B. Rau xanh. C. Gạo D. Gạo và rau xanh.

**Câu 12:** Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

A. Carbohydrate (chất đường, bột). B. Protein (chất đạm).

C. Lipid (chất béo). D.Vtamin.

**Câu13:** Lương thực nào được sử dụng nhiều nhất?

 A. Gạo. B. Khoai lang. C. Lúa mì. D. Khoai mì.

**Câu 14**: Lương thực nào được người Việt Nam sử dụng làm thức ăn hàng ngày?

 A. Gạo. B. Khoai lang. C. Bắp. D. Lúa mì.

**Câu 15:** Ứng dụng của gạo, *chọn câu sai* trong các ứng dụng sau.

 A. Lên men rượu. B. Làm bột chế biến bánh. C. Nấu cơm. D. Làm cồn.

**Câu 16:** Trạng thái và tính chất chủ yếu của sắn (khoai mì) là gì?

 A. Củ, bùi. B. Hạt, dẻo. C. Củ, dẻo. D. Hạt, bùi.

**Câu 17:** Trạng thái và tính chất chủ yếu của ngô là?

1. Bắp, hạt, dẻo. B. Củ, bùi. C. Củ, dẻo. D. Hạt, bùi.

**Câu 18:** Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** ở đá vôi.

 A. Tan trong nước. B. Tan trong acid.

 C. Dùng sản xuất vôi sống. D. Cứng.

**Câu 19:** Điền vào chỗ trống: “Nguyên liệu sản xuất không phải là nguồn nguyên liệu….. do đó chúng ta cần sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.”

 A.vô hạn. B. hiếm. C. đa dạng. D. vô giá.

**Câu 20**: Trong các thực phẩm sau, thực phẩm nào chứa nhiều chất béo nhất?

 A. Mỡ gà. B. Thịt bò. C. Rau xanh. D.Táo.

**Câu 21:** Trong các nhóm thực phẩm sau, thực phẩm nào chứa nhiều vitamin nhất?

 A. Gạo. B. Thịt bò. C. Mỡ gà. D. Rau xanh.

**Câu 22:** Biểu hiện sớm ở trẻ em thiếu vitamin A là gì?

1. Còi cọc. B. Sốt. C. Quáng gà. D. Tiêu chảy.

**Câu 23:** ***Không*** phải chức năng của protein (chất đạm) đối với cơ thể con người là…

 A. tạo kháng thể chống bệnh tật. B. góp phần tạo nên da, tóc, móng.

 C. tạo nên cơ bắp. D. cung cấp năng lượng lớn nhất.

**Câu 24:** Các loại thực phẩm nào dưới đây có thể gây dị ứng?

 A. Cua, tôm và thịt bò. B. Tôm. C. Thịt bò. D. Cua.

**Câu 25:** Những triệu chứng *không phải* của ngộ độc thực phẩm là…

 A. táo bón. B. đau bụng. C. đi phân lỏng D. mất nước, sốt

**Câu 26:** Có mấy nhóm lương thực- thực phẩm chủ yếu?

 A. 4. B. 3. C.2. D. 1

**Câu 27.** Thế nào là vật liệu?

A. Vật liệu là một chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như. nguồn nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất hoặc chế tạo ra những sản phẩm phục vụ đời sống.

B. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.

C. Vật liệu là một chất được dùng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng..

D. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

**Câu 28.** Vật liệu nào sau đây ***không thể*** tái chế?

A. Xi măng. B. Thủy tinh. C. Thép xây dựng. D. Nhựa composite.

**Câu 29.** Vật liệu nào dưới đây có tính đàn hồi?

A. Cao Su. B. Thủy tinh. C. Kim loại. D. Gỗ.

**Câu 30.** Vật liệu nào sau đây dẫn điện tốt?

A. Kim loại. B. Nhựa. C. Thủy tinh. D. Cao Su.

**Câu 31.** Các hạt nano bạc thường có kích cỡ là…

A. 25nm. B. 25m. C. 25cm. D. 25dm.

**Câu 32.** Vật liệu nào sau đây ***không*** dẫn điện, ***ít*** bị ăn mòn, ***không*** bị gỉ, ***không*** cháy?

A. Thủy tinh B. Kim loại. C. Cao Su. D. Gỗ.

**Câu 33.** Vật dụng nào sau đây được xem là thân thiện với môi trường

A. Ống hút làm từ bột gạo. B. Pin máy tính.

 C. Túi ni lông. D. Ống hút làm từ nhựa.

**Câu 34.** Vật dụng nào sau đây gây ô nhiễm môi trường?

A. Túi ni lông. B. Ống hút làm từ bột gạo.

C. Gạch không nung. D. Túi xách làm từ sợi cói.

**Câu 35.** Vật liệu nào thường bị gỉ sau một thường gian sử dụng?

A. Thép. B. Gỗ. C. Cao su. D. Nhựa.

**Câu 36.** Vật liệu nào sau đây dễ cháy?

A. Gỗ. B. Inox. C. Thủy tinh. D. Đất sét.

**Câu 37.** Mô hình 3R có nghĩa là gì?

A. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.

B. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.

C. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

**Câu 38.** Thế nào là nhiên liệu?

A. Nhiên liệu là những chất cháy được dùng để cung cấp năng lượng dạng nhiệt hoặc ánh sáng nhằm phục vụ mục đích sử dụng của con người.

B. Nhiên liệu là những chất được oxi hóa để cung cấp năng lượng cho các hoạt động của cơ thể sống.

C. Nhiên liệu là những vật liệu dùng trong quá trình xây dựng.

D. Nhiên liệu là một số chất hoặc hỗn hợp chất được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho các quá trình sản xuất hoặc chế tạo.

**Câu 39.** Nhiên liệu nào sau đây ***không*** phải nhiên liệu hóa thạch?

A. Ethanol. B. Dầu mỏ. C Khí tự nhiên. D. Than đá.

**Câu 40.** Những nhiên liệu nào dưới đây ở cùng một trạng thái rắn?

A. Than đá, củi, nến. B. Gas, xăng, khí than. C. Xăng, dầu, cồn. D. Nến, sáp, cồn.

**Câu 41.** Những nhiên liệu nào dưới đây ở cùng một trạng thái lỏng?

A. Xăng, dầu, cồn. B. Gas, xăng, khí than. C. Than đá, củi, gas. D. Nến, sáp, cồn.

**Câu 42.** Những nhiên liệu nào dưới đây ở cùng một trạng thái khí?

A. Gas, biogas, khí than. B. Xăng, dầu, cồn. C. Than đá, củi, gas. D. Nến, sáp, cồn.

**Câu 43.** Nhiên liệu hạt nhân là:

A. Nhiên liệu hạt nhân là chất được sử dụng trong các nhà máy năng lượng hạt nhân để tạo ra nhiệt cung cấp cho các tua bin hay máy phát điện.

B. Các loại nhiên liệu được tạo thành từ quá trình phân hủy kị khí của các sinh vật chết bị chôn vùi cách đây hàng trăm triệu năm.

C. Các nhiên liệu tự nhiên chỉ mất một thời gian ngắn có thể bổ sung được.

D. Loại nhiên liệu được hình thành từ các hợp chất có nguồn gốc động thực vật.

**Câu 44.** Than đá, dầu khí, khí tự nhiên, đá phiến dầu, nhựa đường là các nhiên liệu…

A. Hóa thạch. B. Hạt nhân. C. Sinh học. D. Tái tạo.

**Câu 45.** Tính chất đặc trưng của nhiên liệu là…

A. khả năng cháy và tỏa nhiệt. B. đều nặng hơn nước.

C. khó tìm, dễ cạn kiệt. D. không tan trong nước.

**Câu 46.**An ninh năng lượng là gì?

A. Sự đảm bảo đầy đủ năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, ưu tiên nguồn năng lượng sạch, giá rẻ.

B. Sự đảm bảo đầy đủ năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, ưu tiên nguồn năng lượng sạch, giá cao.

C. Sự đảm bảo đầy đủ năng lượng dưới một dạng duy nhất, có giá rẻ.

D. Sự đảm bảo đầy đủ năng lượng dưới một dạng duy nhất, có giá thành cao.

**Câu 47.**Nhiên liệu lỏng thường được dùng cho:

A. Động cơ đốt trong, một phần nhỏ để đun nấu và thấp sáng. B. Xây dựng và sản xuất.

C Nấu nướng và sưởi ấm. D. Nghiên cứu khoa học.

**Câu 48.** Nhiên liệu sinh học là:

A. biogas. B. xăng. C. than đá. D. nến.

**Câu 49.** Xăng E5 thuộc loại nhiên liệu:

A. sinh học. B. hạt nhân. C. hóa thạch. D. không tái tạo.

**Câu 50.** Dãy nào sau đây gồm các nguồn năng lượng tái tạo?

A. Thủy điện, địa nhiệt, năng lượng gió.

B. Nhiên liệu hạt nhân, thủy điện, địa nhiệt.

C. Nhiên liệu hóa thạch, thủy điện, năng lượng mặt trời.

D. Thủy điện, năng lượng sinh học, nhiên liệu hạt nhân.

**Câu 51.** Những chất cháy được, khi cháy tỏa nhiệt và phát sáng được gọi là…

**A. Nhiên liệu.** B. Nguyên liệu. C. Vật liệu. D. Điện năng.

 **Câu 52.**Vật liệu nào sau đây được sử dụng ngoài mục đích xây dựng còn hướng tới bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững?

A. Gạch không nung. B. Gỗ thiên nhiên . C. Kim loại. D. Gạch chịu lửa.

 **Câu 53.** Tính chất đặc trưng của nhiên liệu là

A. cháy và tỏa nhiệt. B. không cháy. C. tỏa nhiệt. D. cháy được.

**Câu 54.** Cho biết ý nghĩa của từng bộ phân trong mô hình 3R.

a. Reduce 1. Tái sử dụng.

b. Reuse 2. Tái Chế.

c. Recycle 3. Giảm thiểu việc sử dụng.

Trả lời:

A. a-3, b-1, c-2. B. a-1, b- 2, c-3. C. a-2, b-3, c-1.

**Câu 55.**Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta **không** dùng biện pháp nào sau đây?

A. Xếp củi chồng lên nhau, càng khít nhau càng tốt. D. Chẻ nhỏ củi.

B. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy. C. Phơi củi cho thật khô.

**Câu 56.**Vật liệu nào có thể bị mối mọt?

A. Gỗ. B. Nhựa. C. Cao su. D. Kim loại.

**Câu 57.**Vật liệu nào sau đây tan trong xăng, không tan trong nước?

A. Cao su. B. Thủy tinh. C. Kim loại. D. Gỗ.

***2. Thông hiểu (39 câu)***

**Câu 1:** Nhà máy sản xuất rượu vang dùng quả nho để lên men. Vậy, nho là…

 A. nhiên liệu. B.vật liệu. C. nguyên liệu. D. khoáng sản.

**Câu 2:** Nước biển có tính chất cơ bản nào sau đây?

 A. Khi bay hơi nước sẽ thu được muối ăn. B. Tạo thành vôi khi bị phân hủy.

 C. Ăn mòn tạo thành thạch nhũ trong hang động. D. Dạng hạt, cứng.

**Câu 3:** Cát có tính chất cơ bản nào sau đây?

 A. Dạng hạt, cứng. B. Dạng hạt mềm.

 C. Dễ bay hơi sẽ thu được muối ăn. D. Tan được trong nước.

**Câu 4:** Vai trò của dầu thực vật, ***chọn câu sai.***

 A. Chủ yếu cung cấp năng lượng là chính. B. Vận chuyển các vitamin tan trong dầu.

 C. Giúp cơ thể dự trữ năng lượng. D. Chống lạnh, cung cấp năng lượng.

**Câu 5:** Đâu ***không*** là nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm?

 A. Chế biến hợp khẩu vị người dùng. C. Do thực phẩm dư hóa chất thực vật.

 B. Do ăn phải thực phẩm sẵn độc tố như cá nóc, mật cá trắm. D. Do vi khuẩn, virus.

**Câu 6:** Loại thực phẩm nào dưới đây chứa sẵn độc tố?

 A. Cá nóc. B. Cá lóc. C. Thịt rắn. D. Thịt ếch.

**Câu 7:** Vitamin nào tan trong nước?

 A. vitamin C. B. vitamin D. C. vitamin A. D. vitamin K.

**Câu 8:** Thiếu vitamin nào dưới đây gây bệnh “**quáng gà**”?

 A. Vitamin A. B. Vitamin C. C. Vitamin D. D. Vitamin E.

**Câu 9:** Những loại thực phẩm nào ***không*** chứa nhiều vitamin A?

 **A**. Củ cải trắng B. Cà chua. C. Bắp cải xanh. D. Cà rốt.

**Câu 10:** Trái cây nào dưới đây ***giàu vitamin* *C nhất*** trong số những trái cây dưới đây?

 A. Trái sơ ri B. Trái lựu. C. Trái ổi. D. Trái cam.

**Câu 11:** Đâu ***không*** phải là vai trò của Vitamin C đối với cơ thể?

 A. Hạn chế tổng hợp các thành phần trong máu. C. Vận chuyển sắt trong cơ thể.

 B. Làm đẹp da. D. Tăng cường kháng thể, tạo hàng rào miễn dịch bảo vệ cơ thể.

**Câu 12:** Ý nào dưới đây ***không phải*** là vai trò của vitamin?

 A. Là nguồn năng lượng chính. B. Ảnh hưởng quá trình trao đổi chất.

 C. Tạo miễn dịch cho cơ thể. D. Làm đẹp da.

**Câu 13:** Khi bị ngộ độc thực phẩm, chúng ta nên làm gì?

 A . Nếu gần cơ sở y tế có thể đưa bệnh nhân đến điều trị. B. Tự mua thuốc uống.

 C. Để yên cho nằm nghỉ. D. Cho uống nhiều nước.

**Câu 14:** Thực phẩm nào dưới đây ***không*** thể ăn sống được?

 A. Thịt heo. B. Cà chua. C. Rau xanh. D. Sữa.

**Câu 15:** Khi ngâm gạo lâu trong nước thì gạo sẽ…

 A. mềm hơn. B. cứng hơn ban đầu. C. nhão hơn. D. dẻo hơn.

**Câu 16:** Để làm đường ray tàu hỏa, người ta thường sử dụng vật liệu nào dưới đây?

A. Thép. B. Đồng. C. Sắt. D. Nhôm.

**Câu 17:** Lứa tuổi từ 11 - 15 là lứa tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là…

 A. calcium. B. carbohydrate. C. Protein. D. chất béo.

**Câu 18.**Để sử dụng nhiên liệu tiết kiệm và hiệu quả, ta cần phải cung cấp một lượng không khí hoặc oxygen…

A. vừa đủ. B. thiếu. C. dư. D. tuỳ ý.

**Câu 19.** Những vật liệu nào sau đây giòn, dễ vỡ?

A. Gốm, sứ. B. Sắt, thép. C. Cao su, nhựa. D. Gỗ, nhôm.

**Câu 20.** Không nên dùng đồ vật bằng vật liệu nào để chứa giấm ăn?

A. Kim loại nhôm. B. Nhựa. C. Inox. D. Thủy tinh.

**Câu 21. *Không*** nên dùng đồ vật bằng vật liệu nào để làm dụng cụ đun nấu trong gia đình?

A. Nhựa. B. Kim loại nhôm. C. Inox. D. Thủy tinh.

**Câu 22.** Khi sử dụng cửa làm bằng sắt, chúng ta nên làm gì để bảo vệ cửa sắt ***hạn chế*** bị gỉ sét hoặc ***ít*** bị ăn mòn?

A. Sơn phủ lên bề mặt cửa sắt. B. Thường xuyên lau cửa bằng nước.

C. Lau cửa với nước có pha ít giấm. D. Lau cửa với nước có pha ít muối ăn.

**Câu 23.** Khi sử dụng dao, kéo làm bằng thép, chúng ta nên làm gì để bảo vệ chúng ít bị hoen gỉ?

A. Rửa bằng nước, lau khô, bôi dầu mỡ. B. Sơn phủ lên bề mặt.

C. Rửa bằng nước có pha ít giấm. D. Rửa bằng nước có pha ít muối ăn.

**Câu 24.** Tại sao người ta sản xuất bếp than cần có quạt thổi?

A. Để cung cấp thêm oxygen cho quá trình cháy.

B. Để giảm bớt nhiệt độ của than.

C. Để quạt mát cho người sử dụng.

D. Để giảm bớt diện tích tiếp xúc giữa oxygen và than.

**Câu 25.** Hành động nào sau đây là ***không*** sử dụng an toàn, hiệu quả bếp gas?

A. Khi vòi dẫn gas bị hở và cháy, dùng chăn khô chùm lên ngọn lửa.

B. Khóa van an toàn khi sử dụng.

C. Để bình gas nơi thoáng khí.

D. Khi ngửi thấy mùi gas thì mở cửa để gas bay ra ngoài.

**Câu 26.** Nhiên liệu tái tạo có ưu điểm gì?

A. Là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường, ít gây ô nhiễm, có tính bền vững.

B. Cần nhiều thời gian mới có thể bổ sung được.

C. Chi phí đầu tư ban đầu thường cao.

D. Có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết, thiên nhiên.

**Câu 27.** Chưng cất khí gas từ nguyên liệu nào?

 A. Dầu thô. B.dầu Diesel. C. Dầu mazut. D. Xăng.

**Câu 28.** Nhiên liệu khí gas là nguyên liệu sạch hay bẩn?

 A. Sạch B. Bẩn C. Sạch tinh khiết. D. Hỗn hợp bẩn.

**Câu 29.** Dựa vào trạng thái, người ta phân làm mấy loại nhiên liệu?

A. 3 loại . B. 1 loại. C. 4 loại. D. 2 loại.

**Câu 30.** Dây điện thường có lõi bằng đồng, vỏ bằng nhựa, vì sao?

A. Đồng dẫn điện tốt, còn nhựa thì không dẫn điện.

B. Đồng và nhựa đều dẫn điện tốt.

C. Đồng và nhựa đều dẫn điện kém.

D. Đồng dẫn điện kém, nhựa dẫn điện tốt.

**Câu 31.** Gang và thép đều là hợp kim tạo bởi hai thành phần chính giữa sắt và carbon, gang cứng hơn sắt. Vì sao gang ít sử dụng trong các công trình xây dựng?

A. Vì gang giòn hơn thép. B. Vì gang được sản xuất ít hơn thép.

C. Vì gang khó sản xuất hơn thép. D. Vì gang dẫn nhiệt kém hơn thép.

**Câu 32.** Vật liệu nào sau đây thường được dùng làm cửa kính, bể cá?

A. Thủy tinh. B. Sắt. C. Gạch nung. D. Nhựa composite.

# Câu 33. Vật liệu nào sau đây thường được dùng làm vỏ tàu thuyền vì khối lượng riêng nhẹ, khả năng chịu đựng thời tiết tốt, chống ăn mòn và tuổi thọ cao?

A. Nhựa composite. B. Sắt. C. Xi măng. D. Gỗ.

**Câu 34.** ***Không*** nên dùng hộp nhựa trong trường hợp nào sau đây?

A. Đựng thức ăn nóng. B. Đựng dao, kéo.

C. Đựng dụng cụ học tập. D. Đựng kim, chỉ.

**Câu 35.** Hạn chế cho trẻ em chơi đồ chơi nhựa vì:

A. chúng thường được chế tạo từ nhựa tái chế chứa nhiều hóa chất độc hại và các bột kim loại pha sơn tạo màu bắt mắt cho đồ chơi.

B. đồ chơi nhựa ít màu sắc. C. chúng dễ bị hoen gỉ. D. nhựa giòn, dễ vỡ.

**Câu 36.** Cách sử dụng vật liệu nào dưới đây ***không*** an toàn cho sức khỏe con người?

A. Sử dụng đồ nhựa để đựng nước uống, thực phẩm, thức ăn.

B. Sử dụng đồ thủy tinh để đựng thức ăn, thực phẩm.

C. Sơn phủ bề mặt vật liệu kim loại để tránh hoen rỉ.

D. Sử dụng vật liệu theo mô hình 3R.

**Câu 37.** Biện pháp nào sau đây được sử dụng để hạn chế sự hoen gỉ của kim loại?

A. Sơn phủ bề mặt vật liệu, bôi dầu mỡ. B. Ngâm vào nước trước khi sử dụng.

C. Không để các hóa chất dính vào. D. Để vật liệu ở nơi có nhiệt độ thấp.

**Câu 38.** Thủy tinh được chế tạo ra từ những nguyên liệu chính nào dưới đây?

 A. Cát. B. Đá vôi. C. Gạch. D. Than đá.

**Câu 39.** Để sử dụng gas tiết kiệm và hiệu quả, người ta sử dụng biện pháp nào sau đây?

A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất,

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

***3. Vận dụng (24 câu)***

**Câu 1:** Tại sao trên bao bì và vỏ hộp các loại thực phẩm, người ta thường ghi hạn sử dụng?

 A. Quy định thời gia sử dụng sản phẩm. B. Cho biết nhãn hiệu.

 C. Để biết công dụng. D. Dùng hướng dẫn sử dụng.

**Câu 2:** Hạn sử dụng của sản phẩm trong thời gian bao lâu?

 A. Tùy loại sản phẩm mà có thời hạn sử dụng khác nhau.

 B. 1 tháng. C. 2 tháng. D. Vô thời hạn.

**Câu 3:** Thực phẩm nào dưới đây ***không*** xem là bị hư hỏng?

 A. Màu sắc sáng hơn bình thường. B. Bánh mì xuất hiện mốc xanh.

 C. Trái cây đổi màu sắc. D. Rau xanh bị thối, héo.

**Câu 4:** Vitamin nào tốt cho xương

 A. vitamin D. B. vitamin E. C. vitamin A. D. vitamin C.

**Câu 5:** Để duy trì nguồn thực phẩm đa dạng và chất lượng, nước ta cần phải làm gì?

 A. Phát triển nông nghiệp nuôi trồng, chế biến thực phẩm.

 B. Mua những thực phẩm ngoại quốc.

 C. Nhập khẩu nhiều mặt hàng mới vào trong nước.

 D. Xuất khẩu những mặt hàng của Việt Nam ra nước ngoài.

**Câu 6:** Cách bảo quản, chế biến và sử dụng thực phẩm nào dưới đây là ***không đúng?***

 A. Chỉ cần dùng thuốc trừ sâu hại phun lên lúa sẽ không sợ chuột ăn.

 B. Các loại thịt cá nên sử dụng khi còn tươi sống.

 C. Khử độc măng tươi bằng cách luộc nhiều lần nước.

 D. Bảo quản ngô, khoai, gạo các nơi khô ráo.

**Câu 7:** Loại thực phẩm nào dưới đây ***không có*** sẵn độc tố?

 A. Khoai lang đã nấu chín. B. Mật cá trắm. C. Khoai tây mọc mầm. D. Cá nóc.

**Câu 8:** Biện pháp nào dưới đây ***không*** phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm khuẩn thực phẩm?

 A. Đeo khẩu trang tại nơi công cộng. B. Lựa chọn nguồn thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn.

 C. Đun lại thức ăn trước khi cất vào tủ lạnh. D. Rửa sạch tay, dụng cụ làm bếp.

**Câu 9:** Nếu thức ăn bị hỏng, khi ăn vào cơ thể có thể sẽ ***không bị…***

 A. Chán ăn. B. Buồn nôn. C. Gây ngộ độc. D. Nhức đầu.

**Câu 10:** Thủy tinh được chế tạo ra từ nguồn nguyên liệu chính nào dưới đây?

 A. Cát. B. Đá vôi. C. Gạch. D. Than đá.

**Câu 11:** Để sử dụng nguyên liệu đảm bảo an toàn và hiệu quả thì nguyên liệu phải được sử dụng như thế nào? (Xem lại câu này chưa rỏ câu hỏi)

 A. Thoải mái. B. Xin phép ở cấp trên.

 C. Theo công nghệ tiên tiến. D. Theo quy trình khép kín.

**Trả lời:** Chọn đáp án: A

**Câu 12:** Biện pháp nào***không*** giữ vệ sinh tránh nhiễm khuẩn trong ăn uống?

A. Đánh răng mỗi khi đi ngủ. B. Rửa tay mỗi khi đi vệ sinh, trước khi ăn uống.

 C. Bảo quản thực phẩm đúng cách. D. Không để lẫn thực phẩm sống với thực phẩm chín.

**Câu 13:** Đâu ***không phải*** là của việc không giữ vệ sinh an toàn thực phẩm là…

 A. dễ mắc các bệnh về đường hô hấp.

 B. gia tăng số người ngộ độc thực phẩm.

 C. tạo điều kiện cho việc buôn bán thực phẩm bẩn.

 D. nguy cơ nhiễm bệnh lây lan qua đường tiêu hóa.

**Trả lời:** Chọn đáp án: A

**Câu 14:** Để duy trì một sức khỏe tốt với chế độ ăn hợp lí, ta nên làm gì?

 A. Ăn đủ, đa dạng. B. Liên tục ăn các chất dinh dưỡng.

 C. Kiên trì chạy bộ. D. Ăn nhiểu mỡ, đường.

**Câu 15:** Nhận xét nào nói về chất đạm là ***không đúng***?

 A. Không dự trữ được nhiều năng lượng. B. Liên quan chức năng sống.

 C. Cần thiết cho chuyển hóa. D. Chất đạm có vai trò cấu tạo, duy trì phát triển cơ thể.

**Câu 16:** Nhận xét nào nói về chất béo là ***không*** ***đúng***?

 A. Cung cấp năng lượng calo thấp hơn đạm. B. Chức năng dự trữ năng lượng.

 C. Có vai trò chống lạnh. D. Có nhiều trong sữa, thịt, cá, lòng trứng.

**Câu 17:** Cho các nhận xét dưới đây:

(1) Vitamin C có trong quả chanh giúp cho việc hấp thu sắt từ rau xanh hiệu quả hơn.

(2) Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, cà chua và bông cải kết hợp có thể giúp ngăn ngừa ung thư tiền liệt tuyến.

(3) Vitamin D có vai trò rất lớn trong quá trình phát triển của xương, được hấp thu tốt nhờ ánh sáng mặt trời.

(4) Cà chua có tác dụng chống lão hóa, đu đủ có tác dụng hạn chế táo bón.

(5) Chỉ cần ăn đầy đủ 3 nhóm chất dinh dưỡng lớn như: chất béo, chất đạm, tinh bột là đã đủ cho cho sự phát triển toàn diện của cơ thể.

(6) Cần có chế độ ăn hợp lí, phối hợp nhiều loại thức ăn, chế độ ăn phù hợp lứa tuổi.

***Có bao nhiêu câu đúng?***

 A. 5. B. 4. C. 6. D. 3.

**Câu 18:** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong phát biểu sau: “… là vật liệu tự nhiên (vật liệu thô) chưa qua xử lí và cần được chuyển hóa để tạo ra sản phẩm”.

 A. phế liệu. B. nguyên liệu. C. nhiên liệu. D. vật liệu.

**Câu 19:** Chức năng của protein (chất đạm) đối với con người? ***Chọn câu sai***

 A. Dự trữ năng lượng thấp nhất. B. Tạo enzyme điều hòa trao đổi chất.

 C. Tạo các collagen bảo vệ sụn khớp. D. Tạo các kháng thể bảo vệ cơ thể.

**Câu 20.** Tại sao khi gió thổi mạnh vào đống lửa to thì nó càng chảy mạnh?

A. Gió cung cấp thêm nhiều oxygen. B. Gió cung cấp thêm ít oxygen.

C. Gió cung cấp vừa đủ oxygen. D. Gió không cung cấp thêm oxygen.

**Câu 21.** Vật liệu nào sau đây được xem là nguyên liệu?

A. Đất sét. B. Ngói . C. Xi măng. D. Gạch xây dựng.

**Câu 22.** Để sử dụng nguyên liệu đảm bảo an toàn và hiệu quả thì nguyên liệu phải được sử dụng như thế nào?

A. Theo công nghệ tiên tiến. B. Thoải mái. C. Xin phép ở cấp trên. D. Theo quy trình khép kín.

**Câu 23.** Vì sao ***không*** đun bếp than trong phòng kín?

A. Vì than cháy tỏa ra nhiều khí cacbonic, có thể gây tử vong nếu ngửi nhiều.

B. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

C. Vì than không cháy được trong phòng kín.

D. Vì giá thành của than khá cao.

**Câu 24.** Các vật liệu, sản phẩm như xi măng, vôi sơn nhà.....có chung nguồn nguyên liệu từ:

A. Đá Vôi. B. Cát. C. Xi măng. D. Quặng bauxite.

**VI. Chủ đề 5 : Chất tinh khiết – Hỗn hợp. Phương pháp tách các chất (66 câu)**

# 1. Nhận biết (37 câu)

# Câu 1. Chất tinh khiết được tạo ra từ…

#  A. một chất. B. hai chất. C. ba chất. D. hai chất trở lên.

**Câu 2.** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

A. Muối ăn. B. Nước khoáng. C. Gỗ xanh. D. Nước biển.

**Câu 3.** Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

A. số chất tạo nên. B. thể của chất.

C mùi vị của chất. D. tính chất của chất.

**Câu 4.**Xem hai hình ảnh và chọn ***câu sai*** trong các câu sau đây:



A. Uống nước tinh khiết tốt hơn vì không có lẫn chất khác nên tốt cho cơ thể.

B. Nước khoáng là hỗn hợp nên tính chất của nước khoáng có thể thay đổi tùy thuộc vào thành phần các chất trong nước khoáng.

C. Uống nước khoáng tốt hơn vì nó bổ sung khoáng chất cho cơ thể.

D. Nước tinh khiết là nước không có lẫn chất khác nên được gọi là chất.

**Câu 5.** Chất không lẫn với chất khác là…

 A. chất tinh khiết. B. hỗn hợp. C. hỗn hợp đồng nhất. D. hỗn hợp không đồng nhất.

**Câu 6.** Hai hay nhiều chất trộn lẫn vào nhau gọi là…

 A. hỗn hợp. B. chất tinh khiết. C. hỗn hợp đồng nhất. D. hỗn hợp không đồng nhất.

**Câu 7.** Hai chất trong cốc lẫn vào nhau, có thành phần các chất giống nhau ở mọi vị trí trong cốc, được gọi là…

 A. hỗn hợp đồng nhất. B. hỗn hợp. C. chất tinh khiết. D. hỗn hợp không đồng nhất.

**Câu 8.** Hai chất trong cốc lẫn vào nhau, có thành phần các chất không giống nhau ở mọi vị trí trong cốc được gọi là…

 A. hỗn hợp không đồng nhất. B. hỗn hợp. C. hỗn hợp đồng nhất. D. chất tinh khiết.

**Câu 9. Nước muối là…**

A. hỗn hợp đồng nhất. B. hỗn hợp không phân biệt.

C. hỗn hợp không đồng nhất. D. chất tinh khiết.

**Câu 10.** Muốn hoà tan được nhiều muối ăn vào nước, ta *không nên* sử dụng phương pháp nào dưới đây?

A. Bỏ thêm đá lạnh vào. B. Đun nóng nước.

C. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều. D. Nghiền nhỏ muối ăn.

**Câu 11.**Đồ thị sau biểu diễn sự phụ thuộc độ tan (kí hiệu là S (g)/ 100 (g) nước) của các chất X, Y, Z, T theo nhiệt độ.

 

 Các chất có độ tan tăng theo nhiệt độ là:

A. X  T  Z. B.Y  Z  T. C. X  Z  Y. D. X  Y  T.

**Câu 12.** Hai chất lỏng ***không*** hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là…

A. nhủ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. chất tinh khiết

**Câu 13.** Khi hoà tan bột vôi sống vào nước, chỉ một lượng chất này tan trong nước, phần còn lại làm cho nước bị đục. Hỗn hợp này được coi là…

A. huyền phù. B. chất tan. C. nhũ tương. D.. dung dịch.

**Câu 14.** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được…

A. huyền phù. B. nhủ tương. C. dung dịch. D. dung môi.

**Câu 15.** Hòa tan đường vào nước, ta thu được…

A. dung dịch. B. huyền phù. C. nhủ tương. D. dung môi.

**Câu 16.** Hỗn hợp sữa lên men được gọi là…

A. nhủ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. dung môi.

**Câu 17.** Hỗn hợp sữa tươi được gọi là…

A. nhủ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. dung môi.

**Câu 18.** Hỗn hợp dầu gội được gọi là

A. nhủ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. dung môi.

**Câu 19.** Hỗn hợp sữa tắm được gọi là…

A. nhủ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. dung môi.

**Câu 20.** Hỗn hợp là…

A. bột giặt. B. đường. C. muối ăn. D. cát trắng.

**Câu 21.** Chất tinh khiết là…

A. cát trắng. B. nước đường. C. bột giặt. D. nước muối.

**Câu 22.** Chất tinh khiết là…

A. khí oxygen. B. cà phê sữa. C. nước biển. D. không khí.

**Câu 23.** Chất ***không*** tan trong nước là…

A. dầu ăn. B. nước mắm. C. giấm ăn. D. cồn - rượu.

**Câu 24.** Đun sôi dung dịch muối để thu muối ăn là phương pháp…

A. cô cạn. B. lọc. C. chiết. D. hóa học.

**Câu 25.** Tách sulfur ra khỏi hỗn hợp sulfur và nước bằng cách rót hỗn hợp trên vào phễu có giấy lọc, đây là phương pháp…

A. lọc. B. cô cạn. C. chiết. D. hóa học.

**Câu 26.** Tách dầu ăn ra khỏi nước phù hợp nhất là phương pháp…

A. chiết. B. cô cạn. C. lọc. D. hóa học.

**Câu 27.** Phương pháp nào dưới đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

A. Lọc. B. Dùng máy li tâm. C. Chiết. D. Cô cạn.

**Câu 28.** Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

A. Chiết. B. Dùng máy li tâm. C. Lọc. D. Cô cạn.

**Câu 29.** Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt. Theo em, lõi bông đó có tác dụng gì?



A. Lọc chất không tan trong nước. B. Lọc chất tan trong nước.

C. Lọc và giữ lại khoáng chất. D. Lọc hoá chất độc hại.

**Câu 30.** Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

A. Tách khói bụi ra khỏi không khí khi hít vào.

B. Tách oxygen ra khỏi không khí khi hít vào.

C. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí khi hít vào.

D. Tách hơi nước ra khỏi không khí khi hít vào.

**Câu 31.** Cho hình ảnh về dụng cụ bên:



Theo em, dụng cụ này có thể được sử dụng để tách riêng các chất trong hỗn hợp nào dưới đây?

A. Dầu ăn và nước. B. Cát lẫn trong nước.

C. Bột mì lẫn trong nước. D. Nước và rượu.

**Câu 32.** Vào mùa hè, nhiều hôm thời tiết rất oi bức khiến chúng ta cảm thấy ngột ngạt, khó thở. Thế nhưng, sau khi có một trận mưa rào ập xuống, người ta lại cảm thấy dễ chịu hơn nhiều. Lí do là…

 A. mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và loại bớt khói bụi ra khói không khí.

 B. mưa đã làm tăng nhiệt độ môi trường và loại bớt khói bụi ra khói không khí.

 C. mưa đã làm tăng nhiệt độ môi trường và làm chết các loài sinh vật gây bệnh.

 D. mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và làm chết các loài sinh vật gây bệnh.

**Câu 33. Phương pháp lọc dùng để tách những loại chất nào?**

 **A. Chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.**

**B. Chất rắn tan ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng.**

**C. Chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.**

**D. Chất rắn ra khỏi hỗn hợp rắn.**

**Câu 34. Phương pháp cô cạn dùng để tách những loại chất nào?**

 **A. Chất rắn tan ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng.**

**B. Chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.**

**C. Chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.**

**D. Chất rắn ra khỏi hỗn hợp rắn.**

**Câu 35. Phương pháp chiết dùng để tách những loại chất nào?**

 **A. Chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.**

**B. Chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.**

**C. Chất rắn tan ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng.**

**D. Chất rắn ra khỏi hỗn hợp rắn.**

**Câu 36. Bằng cách nào để lấy Aluminium (nhôm) và Iron (sắt) ra khỏi hỗn hợp gồm nhôm và sắt?**

 **A. Dùng thanh nam châm. B. Dùng phương pháp cô cạn.**

**C. Dùng phương pháp chiết. D. Dùng phương pháp lọc.**

**Câu 37. Một hỗn hợp gồm cát và nước muối, bằng phương pháp nào để tách muối và cát ra khỏi hỗn hợp trên?**

 **A. Cả phương pháp lọc và cô cạn. B. Dùng phương pháp cô cạn.**

**C. Dùng phương pháp chiết. D. Dùng phương pháp lọc.**

#

# 2. Thông hiểu (18 câu)

**Câu 1.** Khí nitrogen và khí oxygen là hai thành phần chính của không khí. Trong kĩ thuật, người ta có thể hạ thấp nhiệt độ xuống dưới - 96C để hoá lỏng không khí, sau đó nâng nhiệt độ đến đưới -183 oC. Khi đó, nitrogen bay ra và còn lại là oxygen dạng lỏng. Phương pháo tách khí nitrogen và khí oxygen ra khỏi không khí như trên được gọi là

A. phương pháp chưng cất phân đoạn. B. phương pháp chiết.

C phương pháp cô cạn. D. phương pháp lọc.

**Câu 2.** Hình bên minh hoạ về việc sản xuất và thu hoạch muối. Để sản xuất muối, người ta cho nước biển vào các ruộng muối rồi phơi khoảng 1 tuần thì thu được muối ở dạng rắn.



 Người dân đã sử dụng phương pháp nào để thu được muối?

A. Làm bay hơi nước biển. B. Lọc lấy muối từ nước biển.

C. Làm lắng đọng muối. D. Cô cạn nước biển.

**Câu 3.** Hình bên minh hoạ về việc sản xuất và thu hoạch muối. Để sản xuất muối, người ta cho nước biển vào các ruộng muối rối phơi khoảng 1 tuần thì thu được muối ở dạng rắn.



 Khu vực nào ở nước ta sản xuất nhiều muối nhất?

A. Nam Trung . B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C.Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Hồng. Bộ.

**Câu 4.**Hình ảnh dưới đây minh hoạ cho trạng thái nào của hỗn hợp?



 A. Huyền phù. B. Dung dịch. C. Nhũ tương. D Hỗn hợp đồng nhất.

 **Câu 5.** Hình ảnh dưới đây mô tả quá trình hình thành,



A. nhũ tương. B. huyền phù. C dung dịch. D. dung môi.

**Câu 6.** Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

A. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều. B. Hỗn hợp nước muối.

C. Hỗn hợp nước đường. D. Hỗn hợp nước và rượu.

**Câu 7.**Đồ thị sau biểu diễn sự phụ thuộc độ tan (kí hiệu là S (g)/100 (g) nước) của các chất X, Y, Z, T theo nhiệt độ.

 

 Ở 25°C, chất có độ tan lớn nhất là :

A. T. B. Y. C. Z. D. X.

**Câu 8.**Đồ thị sau biểu diễn sự phụ thuộc độ tan (kí hiệu là S (g)/ 100 (g) nước) của các chất X, Y, Z, T theo nhiệt độ.

 

 Chất có độ tan phụ thuộc nhiều nhất vào nhiệt độ là:

A.  X. B.  Y. C. Z. D. T

**Câu 9. Trộn muối ăn và cát mịn vào một cóc đó là**

A. hỗn hợp không phân biệt. B. chất tinh khiết.

C. hỗn hợp đồng nhất. D. hỗn hợp không đồng nhất.

**Câu 10.** Khi sử dụng ấm để đun sôi nước suối hoặc nước máy thì sau một thời gian sử dụng sẽ xuất hiện nhiều cặn trắng bám vào bên trong ấm.



Hãy chọn phương pháp làm sạch cặn trong ấm?

 A. Ngâm ấm trong nước chanh hoặc giấm. B. Ngâm ấm trong nước lạnh.

 C. Ngâm ấm trong nước nóng. D. Ngâm ấm trong nước muối.

**Câu 11.** Trên một số bình nước khoáng thường có dòng chữ “Nước khoáng tinh khiết”. Ý nghĩa của dòng chữ này là ***không*** hợp lí vì…

 A. nước khoáng là hỗn hợp. B. đây là nước lọc.

 C. diễn đạt dài dòng. D. đây là nước tinh khiết.

**Câu 12.** Làm thế nào để phân biệt được nước cất (nước tinh khiết) và nước khoáng ?

 A. Cô cạn hai mẫu nước trên. B. Nhìn bằng kính lúp.

 C. Lọc hai mẫu nước trên . D. Nhìn bằng mắt thường.

**Câu 13.** Máy điều hoà nhiệt độ giúp tách những chất nào ra khỏi không khí?

A. Tách cả các thành phần trên. B. Chỉ tách được bụi bẩn.

C. Chỉ tách vi sinh vật gây hại. D. Chỉ tách được nước

**Câu 14.**  Tại sao khi ở trong phòng có máy điều hoà nhiệt độ thì ta cảm thấy không khí khô hơn?

 A. Do máy loại bớt hơi nước trong không khí.

 B. Do nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ bên ngoài.

 C. Do hệ thống quạt trong máy thổi khô không khí.

 D. Do hệ thống quạt trong máy hút khô không khí.

**Câu 15.** Dưới đây là sơ đồ mô tả thiết bị chưng cất tinh dầu như tinh dầu quế, tinh dầu sả, tinh dầu khuynh điệp, ...



 Nếu phần trước của bộ sinh hàn bị hở thì kết quả chiết xuất như thế nào?

 A. Hiệu quả chiết xuất sẽ rất thấp. B. Không thu được tinh dầu.

 C. Không ảnh hưởng đến kết quả. D. Nước và tinh dầu lẫn nhau.

**Câu 16**. Khi hoà tan 100 ml rượu êtylic vào 50 ml nước thì nhận định nào đây đúng?

**A.** Nước là chất tan và rượu là dung môi trong trường hợp này.

**B.** Rượu là chất tan và nước là dung môi trong trường hợp này.

**C.** Nước và rượu đều là chất tan, không có dung môi trong trường hợp này.

**D.** Nước và rượu đều là dung môi, không có chất tan trong trường hợp này.

**Câu 17.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của các chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

**A.** Phần lớn là tăng. **B.** Đều tăng. **C.** Không thay đổi. **D.** Đều giảm.

**Câu 18**. Khi giảm nhiệt độ và tăng áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

**A.** Đều tăng. **B.** Đều giảm. **C.** Có thể tăng hoặc giảm. **D.** Không tăng, không giảm.

# 3. Vận dụng (11 câu)

**Câu 1.** Hằng năm vào mùa lũ, đồng bằng sông Cửu Long được bù đắp một lượng phù sa rất lớn. Vậy, lượng phù sa đó là…

A. dung môi. B. huyền phù. C. dung dịch. D. nhủ tương.

**Câu 2.** Nguyên liệu làm muối tiêu gồm: Tiêu đen 100g; Muối tinh 200g; Mì chính (bột ngọt) 1 thìa. Vậy, muối tiêu là…

A. hỗn hợp không đồng nhất. B. hỗn hợp đồng nhất.

C. huyền phù. D. dung dịch.

**Câu 3.** Tách riêng các chất ra khỏi hỗn hợp gồm bột sắt, bột đồng và muối ăn bằng cách:

Dùng nam châm để hút riêng (1)………. ra khỏi hỗn hợp, (2)……… và muối ăn không bị nam châm hút, Tiếp theo, hoà tan hỗn hợp còn lại (3)………. rồi cho qua phễu lọc. Do bột đồng không tan trong nước nên nằm trên phểu lọc và ta thu được dung dịch muối  ăn. Cô cạn dung dịch vừa  thu được, ta được (4)……. nguyên chất ở dạng rắn.

Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là:

A. (1) bột sắt; (2) bột đồng; (3) vào nước; (4) muối ăn.

 B. (1) bột đồng; (2) bột sắt; (3) vào nước; (4) muối ăn.

 C. (1) muối ăn; (2) bột đồng; (3) vào nước; (4) bột sắt.

 D. (1) bột sắt; (2) muối ăn; (3) vào nước; (4) bột đồng.

**Câu 4.** Cho biết nhiệt độ sôi của rượu (ethanol) là 78 °C, của nước là 100 °C. Người ta đề xuất giải pháp để tách rượu ra khỏi nước bằng cách: Dùng biện pháp (1)……. ……để tách riêng rượu ra khỏi nước, Đun nóng hỗn hợp nượu và nước tới (2)………….. 78 0C và (3)…………. 100 0C để rượu bay hơi. Dẫn hơi rượu qua hệ thống (4)……………..tạ thu được rượu dạng lỏng.

 Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là

A. (1) chưng cất; (2) nhiệt độ trên; (3) dưới nhiệt độ; (4) làm lạnh.

B. (1) chưng cất; (2) dưới nhiệt độ; (3) nhiệt độ trên; (4) làm lạnh.

C. (1) làm lạnh; (2) nhiệt độ trên; (3) dưới nhiệt độ; (4) chưng cất.

D. (1) làm lạnh; (2) dưới nhiệt độ; (3) nhiệt độ trên; (4) chưng cất.

**Câu 5.** Dưới đây là sơ đồ mô tả thiết bị chưng cất tinh dầu như tinh dầu quế, tinh dầu sả, tinh dầu khuynh điệp, ...



 Nguyên lí hoạt động: Khi đun nóng, (1)………. vào trong lá sả và lôi cuốn tinh dầu sả tới (2)…….... Tại đây cả (3)………. và hơi nước đều ngưng tụ lại thành chất lỏng và (4)……….. Nước sẽ được tách ra và tiếp tục sử dụng trong quy trình còn tinh dầu sả sẽ được đưa vào bình chứa để sử dụng.

Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là:

A. (1) nước bốc hơi; (2) bộ sinh hàn; (3) tinh dầu sả; (4) phân lớp.

B. (1) bộ sinh hàn; (2) nước bốc hơi; (3) tinh dầu sả; (4) phân lớp.

C. (1) nước bốc hơi; (2) bộ sinh hàn; (3) phân lớp; (4) tinh dầu sả.

D. (1) tinh dầu sả; (2) phân lớp; (3) nước bốc hơi; (4) bộ sinh hàn.

**Câu 6.** Để biết bột calcium carbonate có tan trong nước hay không người ta làm như sau: Lấy (1) ................ hoà vào nước, sau đó (2) ............. này qua phểu chứa (3) ............. được đặt sẵn trên cốc thuỷ tỉnh, Khi lọc xong, (4)..................... dung dịch.

Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là

A. (1) bột calcium carbonate; (2) đổ hỗn hợp; (3) giấy lọc; (4) đem cô cạn.

B. (1) đem cô cạn; (2) đổ hỗn hợp; (3) giấy lọc; (4) bột calcium carbonate.

C. (1) bột calcium carbonate; (2) giấy lọc; (3) đổ hỗn hợp; (4) đem cô cạn.

D. (1) giấy lọc; (2) đem cô cạn; (3) bột calcium carbonate; (4) đổ hỗn hợp.

**Câu 7.** Nguyên liệu làm muối tiêu gồm: Tiêu đen 100g; Muối tinh 200g; Mì chính (bột ngọt) 1 thìa. Vậy, làm muối tiêu bằng cách:

A. Rang hạt tiêu, muối hạt ở nhiệt độ thích hợp, nghiền nhỏ các nguyên liệu trên, rồi trộn lẫn vào nhau.

B. Rang hạt tiêu, nghiền nhỏ các nguyên liệu trên, rồi trộn lẫn vào nhau.

C. Chỉ cần nghiền nhỏ các nguyên liệu trên, rồi trộn lẫn với nhau.

D. Nghiền nhỏ các nguyên liệu trên, rồi trộn lẫn với nhau, sau đó đem rang hỗn hợp trên ta được sản phẩm muối tiêu.

**Câu 8.** Để làm dụng cụ chiết dầu ăn ra khỏi nước, người ta làm bằng cách:

  Lấy chai nhựa và (1)…………… vừa bằng ống tio (dây chuyển dịch cho người ốm) ở sát đáy. Lấy ống tio có khoá rồi (2)……………… sát đáy chai nhựa, dùng keo (3)……………….. ống tio vào (4)…………………..

Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là:

A. (1) khoan một lỗ; (2) luồn vào; (3) gần chật; (4) chai nhựa.

B. (1) gần chật; (2) luồn vào; (3) khoan một lỗ; (4) chai nhựa.

C. (1) luồn vào; (2) gần chật; (3) khoan một lỗ; (4) chai nhựa.

D. (1) khoan một lỗ; (2) luồn vào; (3) chai nhựa; (4) gần chật.

**Câu 9.** Để tách riêng bột mì và đường ra khỏi hỗn hợp, người ta có thể (1)…….. cả hỗn hợp vào nước rồi đổ tất cả (2)………. có chứa (3)……….., đặt trên cốc thủy tinh. Vì đường tan trong nước nên sẽ theo nước chảy xuống cốc, bột mì bị giữ lại trên giấy lọc. Cô cạn phần nước đường bằng cách (4)…………. ta sẽ thu được đường ở dạng rắn.

 Các từ thích hợp cần điền vào các chỗ trống theo thứ tự là:

A. (1) hòa tan; (2) lên phễu; (3) giấy lọc; (4) đun cách thủy.

B. (1) lên phễu; (2) đun cách thủy; (3) hòa tan; (4) giấy lọc.

C. (1) giấy lọc; (2) lên phễu; (3) đun cách thủy; (4) hòa tan.

D. (1) đun cách thủy; (2) lên phễu; (3) giấy lọc; (4) hòa tan.

**Câu 10.** Vào dịp tết, mẹ bạn An làm mứt dừa cho cả nhà ăn. Khi cả nhà thưởng thức, bố An thấy mứt ngọt quá nên không muốn ăn, vì bố bạn đang trong chế độ kiêng đường. Bạn An rất muốn tách bớt đường ra khỏi mứt dừa đã làm để bố có thể ăn được. Theo em, có cách nào đế tách bớt đường từ mứt dừa đã làm không?

 A. Cho mứt dừa vào nước, rồi rang khô lại. B. Cho nước vào để đường tan bớt.

 C. Chỉ cần đem rang lại thì sẽ bớt lượng đường. D. Không tách được.

**Câu 11.** Để tách hơi nước ra khỏi không khí trong phòng, máy điều hoà nhiệt độ đã dùng…

 A. hơi lạnh để ngưng tụ nước và xả nước ra ngoài theo ống sả.

 B. hệ thống quạt trong máy điều hòa nhiệt độ hút hơi nước vào, rồi sả ra.

C. hệ thống quạt trong máy điều hòa nhiệt độ thổi ra làm khô nước.

D. có một bộ phận đặc biệt để hút nước.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/